

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG
SƠN HÀ



MỤC LỤC

| | Trang |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 13 - 32 |



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế lần đầu số 0101809894 ngày 27 tháng 10 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung 7 lần Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do thay đổi cổ đông sáng lập và người đại diện theo pháp luật. Trong đó lần thay đổi thứ bảy ngày 07 tháng 3 năm 2016 Công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 0243.2656566
- Fax : 0243.2656568

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Đại lí, môi giới, đấu giá.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|--------------------|------------|---------------------|
| Ông Lê Vĩnh Sơn | Chủ tịch | 29 tháng 4 năm 2016 |
| Ông Hoàng Mạnh Tân | Thành viên | 29 tháng 4 năm 2016 |

Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm |
|--------------------|--------------|-------------------------------------|
| Ông Hoàng Mạnh Tân | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 07 tháng 3 năm 2016 |
| Ông Trần Anh Tuấn | Phó Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 11 tháng 9 năm 2017 |
| Ông Lê Hoàng Hà | Phó Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2014 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hoàng Mạnh Tân – Giám đốc (bổ nhiệm ngày 07 tháng 3 năm 2016).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Hoàng Mạnh Tân

Ngày 27 tháng 3 năm 2018



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area,
Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 2.0282/18/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SON HÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2018, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 80.171.597.470 | 39.758.310.026 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 1.687.069.644 | 3.028.179.715 |
| 1. Tiền | 111 | | 1.687.069.644 | 1.028.179.715 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 2.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 58.846.059.920 | 19.073.362.881 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 55.212.012.395 | 11.849.553.862 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 2.770.038.173 | 782.400 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.4 | - | 7.000.000.000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 1.936.009.352 | 1.295.026.619 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (1.072.000.000) | (1.072.000.000) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.7 | 19.570.539.090 | 17.453.588.455 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 20.013.339.090 | 17.703.588.455 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (442.800.000) | (250.000.000) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 67.928.816 | 203.178.975 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 67.928.816 | 73.109.877 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | 130.069.098 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 2.575.241.070 | 552.630.041 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 2.069.020.074 | 355.615.696 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 1.958.765.390 | 332.857.308 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 5.763.378.803 | 3.721.055.671 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (3.804.613.413) | (3.388.198.363) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 110.254.684 | 22.758.388 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 159.181.000 | 56.896.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (48.926.316) | (34.137.612) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 506.220.996 | 197.014.345 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 506.220.996 | 197.014.345 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 82.746.838.540 | 40.310.940.067 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 52.424.098.814 | 15.081.321.948 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 52.424.098.814 | 15.081.321.948 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11 | 36.597.009.505 | 13.011.595.075 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 569.846 | 500.000 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.12 | 1.610.146.927 | 827.435.077 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 1.522.429.681 | 1.196.404.466 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.13 | 20.378.123 | - |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.14 | 317.633.820 | 45.387.330 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.15a | 12.278.096.341 | - |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.16 | 77.834.571 | - |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.15b | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 30.322.739.726 | 25.229.618.119 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.17 | 30.322.739.726 | 25.229.618.119 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 923.932.857 | - |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 9.398.806.869 | 5.229.618.119 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 120.898.691 | 5.229.618.119 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 9.277.908.178 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 82.746.838.540 | 40.310.940.067 |

Người lập biểu

Nguyễn Bá Thị Hợp

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thị Hợp

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2018

Giám đốc



Hoàng Mạnh Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số tiền | |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|----------------------|----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 181.982.178.332 | 125.840.167.936 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 437.984.219 | 2.475.284.159 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 181.544.194.113 | 123.364.883.777 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 158.446.781.398 | 112.111.279.649 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 23.097.412.715 | 11.253.604.128 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 539.066.069 | 155.824.078 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 113.007.521 | 69.270.014 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 95.831.937 | 19.777.778 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 5.420.417.361 | 2.447.057.218 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 4.074.289.916 | 4.022.371.790 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 14.028.763.986 | 4.870.729.184 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 300.871.885 | 227.219.262 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 2.447.713.873 | 194.189.289 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (2.146.841.988) | 33.029.973 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 11.881.921.998 | 4.903.759.157 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.12 | 2.604.013.820 | 1.208.027.731 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>9.277.908.178</u> | <u>3.695.731.426</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | <u>5.849</u> | <u>1.755</u> |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10 | <u>5.849</u> | <u>1.755</u> |

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Nguyễn Bá Thị Hợp

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thị Hợp

Giám đốc



Hoàng Mạnh Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 11.881.921.998 | 4.903.759.157 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 431.203.754 | 398.245.618 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 192.800.000 | 1.322.000.000 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (522.400.001) | (171.219.263) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 95.831.937 | 19.777.778 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 12.079.357.688 | 6.472.563.290 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (39.655.579.941) | (7.727.464.363) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (2.309.750.635) | 1.684.620.990 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | 24.510.054.825 | (11.012.393.776) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (304.025.590) | (176.749.103) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (75.453.814) | (19.777.778) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (2.147.600.814) | (543.729.809) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | 4.863.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (94.000.000) | (20.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (7.996.998.281) | (11.338.067.549) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (2.144.608.132) | - |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | - | 597.727.273 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | - | (7.100.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | 21.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 522.400.001 | 24.862.000 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (1.622.208.131) | 14.522.589.273 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------|------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 V.15 | 12.416.096.341 | - |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 V.15 | (138.000.000) | (1.000.000.000) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (4.000.000.000) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 8.278.096.341 | (1.000.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | (1.341.110.071) | 2.184.521.724 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 V.1 | 3.028.179.715 | 843.657.991 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 V.1 | 1.687.069.644 | 3.028.179.715 |

Người lập biểu

Nguyễn Bá Thị Hợp

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thị Hợp

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2018



Giám đốc

Hoàng Mạnh Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh các thiết bị năng lượng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trong ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 78 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 69 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Máy móc và thiết bị | 3 – 8 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 4 - 6 |

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là “Chương trình phần mềm máy tính”. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt | 258.585.611 | 143.663.266 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 1.428.484.033 | 884.516.449 |
| Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | | 2.000.000.000 |
| Cộng | <u>1.687.069.644</u> | <u>3.028.179.715</u> |

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>51.707.114.514</i> | <i>11.362.174.922</i> |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà | 29.252.018 | |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn | 5.716.008.593 | 3.874.585.679 |
| Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà | | 252.528.878 |
| Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai | 1.490.210.920 | 668.046.100 |
| Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam | 1.182.478 | |
| Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An | 4.953.119.902 | 2.614.730.022 |
| Công ty Cổ phần Toàn Thắng | 5.211.405.993 | 3.952.284.243 |
| Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh | 2.902.717.856 | |
| Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh và Phát triển dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc | 31.398.948.561 | |
| Công ty TNHH Một thành viên Logistics Sơn Hà | 2.295.400 | |
| Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị nhà bếp Sơn Hà | 1.972.793 | |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <i>3.504.897.881</i> | <i>487.378.940</i> |
| Công ty TNHH Một thành viên Toàn Mỹ Miền Trung | 579.029.990 | |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Toàn Mỹ | 1.850.293.831 | |
| Các khách hàng khác | 1.075.574.060 | 487.378.940 |
| Cộng | <u>55.212.012.395</u> | <u>11.849.553.862</u> |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| <i>Trả trước cho các người bán khác</i> | <i>2.770.038.173</i> | <i>782.400</i> |
| HAINING FU JIANG IMP&EXP CO.,LTD | 2.542.994.757 | |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Thép Việt | | 782.400 |
| Các khách hàng khác | 227.043.416 | |
| Cộng | <u>2.770.038.173</u> | <u>782.400</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Số dư đầu năm là khoản cho Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (là bên liên quan) vay với lãi suất 6,3%/ năm, thời hạn vay 12 tháng.

5. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>465.763.375</i> | | <i>124.609.695</i> | |
| Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà | 442.217.125 | | 101.063.445 | |
| Ông Lê Vĩnh Sơn | 23.546.250 | | 23.546.250 | |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>1.470.245.977</i> | <i>(1.072.000.000)</i> | <i>1.170.416.924</i> | <i>(1.072.000.000)</i> |
| Ông Kiều Thanh Phong | 536.000.000 | (536.000.000) | 536.000.000 | (536.000.000) |
| Ông Nguyễn Văn Thảo | 536.000.000 | (536.000.000) | 536.000.000 | (536.000.000) |
| Tạm ứng | 195.570.000 | | 53.419.772 | |
| Cầm cố, thế chấp | 10.282.500 | | 19.350.000 | |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 192.393.477 | | 25.647.152 | |
| Cộng | 1.936.009.352 | (1.072.000.000) | 1.295.026.619 | (1.072.000.000) |

6. Nợ xấu

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|------------------------------------|-------------------|----------------------|-------------|-------------------|----------------------|-------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có |
| | | | thể thu hồi | | | thể thu hồi |
| <i>Các tổ chức và cá nhân khác</i> | | <i>1.072.000.000</i> | | | <i>1.072.000.000</i> | |
| Ông Kiều Thanh Phong | Trên 3 năm | 536.000.000 | | Trên 3 năm | 536.000.000 | |
| Ông Nguyễn Văn Thảo | Trên 3 năm | 536.000.000 | | Trên 3 năm | 536.000.000 | |
| Cộng | | 1.072.000.000 | | | 1.072.000.000 | |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 1.072.000.000 | |
| Trích lập dự phòng bổ sung | | 1.072.000.000 |
| Số cuối năm | 1.072.000.000 | 1.072.000.000 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 13.530.730.055 | (315.978.806) | 14.297.723.867 | |
| Công cụ, dụng cụ | 123.176.772 | | 148.945.938 | |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 30.859.540 | | | |
| Thành phẩm | 4.050.060.659 | (126.821.194) | 2.305.664.852 | (250.000.000) |
| Hàng hóa | 2.278.512.064 | | 951.253.798 | |
| Cộng | 20.013.339.090 | (442.800.000) | 17.703.588.455 | (250.000.000) |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số đầu năm | 250.000.000 | |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 442.800.000 | 250.000.000 |
| Hoàn nhập dự phòng | (2.190.055) | |
| Giảm dự phòng do xuất hủy | (247.809.945) | |
| Số cuối năm | <u>442.800.000</u> | <u>250.000.000</u> |

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là chi phí công cụ, dụng cụ còn phải phân bổ.

8b. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 409.945.519 | 72.685.845 |
| Chi phí sửa chữa kho | 96.275.477 | 124.328.500 |
| Cộng | <u>506.220.996</u> | <u>197.014.345</u> |

9. Tài sản cố định hữu hình

| | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------|-----------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 3.272.871.796 | 448.183.875 | 3.721.055.671 |
| Mua trong năm | 2.042.323.132 | | 2.042.323.132 |
| Giảm do chuyển sang CCDC | | | |
| Số cuối năm | <u>5.315.194.928</u> | <u>448.183.875</u> | <u>5.763.378.803</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 2.626.985.547 | 448.183.875 | 3.075.169.422 |
| Chờ thanh lý | | | |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 2.940.014.488 | 448.183.875 | 3.388.198.363 |
| Khấu hao trong năm | 416.415.050 | | 416.415.050 |
| Giảm do chuyển sang CCDC | | | |
| Số cuối năm | <u>3.356.429.538</u> | <u>448.183.875</u> | <u>3.804.613.413</u> |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 332.857.308 | | 332.857.308 |
| Số cuối năm | <u>1.958.765.390</u> | | <u>1.958.765.390</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | | | |
| Đang chờ thanh lý | | | |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.538.188.431 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm máy vi tính.

| | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|--------------------|--------------------|-------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 56.896.000 | 34.137.612 | 22.758.388 |
| Tăng trong năm | 102.285.000 | 14.788.704 | |
| Giảm trong năm | | | |
| Số cuối năm | 159.181.000 | 48.926.316 | 110.254.684 |

11. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>28.249.454.913</i> | <i>10.002.888.255</i> |
| Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà | 12.841.628.929 | 8.529.886.278 |
| Công ty TNHH Một thành viên Logistics Sơn Hà | 541.132.034 | 112.694.690 |
| Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh và Phát triển dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc | 46.310.000 | |
| Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam | 519.062.226 | 1.360.307.287 |
| Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh | 14.246.409.724 | |
| Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị nhà bếp Sơn Hà | 54.912.000 | |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>8.347.554.592</i> | <i>3.008.706.820</i> |
| Công ty TNHH Cơ khí Thương mại Đại Nam | 1.077.208.100 | 551.918.448 |
| Công ty TNHH Phát triển Thương mại Đồng Tâm | 1.186.598.268 | |
| Công ty TNHH VIDACO | 1.588.087.012 | 649.844.442 |
| Các nhà cung cấp khác | 4.495.661.212 | 1.806.943.930 |
| Cộng | 36.597.009.505 | 13.011.595.075 |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Giảm khác (*) | Số cuối năm |
|----------------------------------------|--------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | | 3.390.903.254 | (3.040.082.028) | | 350.821.226 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | 8.862 | 1.299.542.427 | (1.299.542.427) | (8.862) | |
| Thuế xuất, nhập khẩu | | 4.911.032 | (4.911.032) | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 761.965.037 | 2.865.945.174 | (2.147.600.814) | (261.931.354) | 1.218.378.043 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 65.461.178 | 246.746.193 | (271.259.713) | | 40.947.658 |
| Các loại thuế khác | | 3.000.000 | (3.000.000) | | |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | | 841.758.894 | (841.758.894) | | |
| Cộng | 827.435.077 | 8.652.806.974 | (7.608.154.908) | (261.940.216) | 1.610.146.927 |

(*) Giảm tiền thuế TNDN phải nộp năm 2015 và năm 2016 theo Biên bản thanh tra thuế ngày 25 tháng 10 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 11.881.921.998 | 4.903.759.157 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 2.447.803.873 | 1.106.025.689 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | 2.447.803.873 | 1.106.025.689 |
| Thu nhập tính thuế | 14.329.725.871 | 6.009.784.846 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 2.865.945.174 | 1.201.956.969 |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | (261.931.354) | 6.070.762 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | 2.604.013.820 | 1.208.027.731 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi vay phải trả.

14. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------------------|--------------------|-------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | | |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>317.633.820</i> | <i>45.387.330</i> |
| Kinh phí công đoàn | 73.205.220 | 40.086.530 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 244.428.600 | 5.300.800 |
| Cộng | 317.633.820 | 45.387.330 |

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính

15a. Vay ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------|
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i> | | |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 12.278.096.341 | |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | | |
| <i>Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân</i> ⁽ⁱ⁾ | 11.607.643.426 | |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15b) | 670.452.915 | |
| Cộng | 12.278.096.341 | |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/4916331/HĐTD ngày 01 tháng 8 năm 2017 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C. Hạn mức tín dụng thường xuyên được cấp với số tiền tối đa là 20.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức là từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 7 năm 2018. Thời hạn của các khoản vay là 06 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|-------------------------|-------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | | 11.607.643.426 | | | 11.607.643.426 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | | | 670.452.915 | | 670.452.915 |
| Cộng | | 11.607.643.426 | 670.452.915 | | 12.278.096.341 |

15b. Vay dài hạn

Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 02/2017/4916331/HĐTD ngày 21 tháng 9 năm 2017 để đầu tư mua sắm phương tiện vận tải, máy móc thiết bị cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngân hàng cho Công ty vay với tổng số tiền tối đa là 5.938.000.000 VND nhưng không vượt quá 75% tổng mức đầu tư thực tế của dự án. Khoản vay có thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2017/4916331/HĐBĐ ngày 26 tháng 9 năm 2017.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|--------------------|-------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 670.452.915 | |
| Trên 1 năm đến 5 năm | | |
| Trên 5 năm | | |
| Cộng | 670.452.915 | |

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn Ngân hàng trong năm như sau:

| | | |
|------------------------------|--|--------------------|
| Số đầu năm | | |
| Số tiền vay phát sinh | | 808.452.915 |
| Số tiền vay đã trả | | (138.000.000) |
| Kết chuyển sang vay ngắn hạn | | (670.452.915) |
| Số cuối năm | | 808.452.915 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------|-------------------|---------------------|
| Số đầu năm | (12.952.000) | 2.185.000 |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | 184.786.571 | |
| Tăng khác | | 4.863.000 |
| Chi quỹ | (94.000.000) | (20.000.000) |
| Số cuối năm | <u>77.834.571</u> | <u>(12.952.000)</u> |

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm trước | 20.000.000.000 | | 1.533.886.693 | 21.533.886.693 |
| Lợi nhuận trong năm trước | | | 3.695.731.427 | 3.695.731.426 |
| Số dư cuối năm trước | <u>20.000.000.000</u> | | <u>5.229.618.119</u> | <u>25.229.618.119</u> |
| Số dư đầu năm nay | 20.000.000.000 | | 5.229.618.119 | 25.229.618.119 |
| Lợi nhuận trong năm nay | | | 9.277.908.178 | 9.277.908.178 |
| Trích lập các quỹ | | 923.932.857 | (1.108.719.428) | (184.786.571) |
| Chia cổ tức | | | (4.000.000.000) | (4.000.000.000) |
| Số dư cuối năm nay | <u>20.000.000.000</u> | <u>923.932.857</u> | <u>9.398.806.869</u> | <u>30.322.739.726</u> |

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà | 10.318.000.000 | 10.318.000.000 |
| Ông Lê Văn Tấn | 5.682.000.000 | 5.682.000.000 |
| Ông Hoàng Mạnh Tân | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| Cộng | <u>20.000.000.000</u> | <u>20.000.000.000</u> |

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

| | Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | | Vốn điều lệ đã góp (VND) |
|--------------------------------|-------------------------------------------|-------------|--------------------------|
| | VND | Tỷ lệ (%) | |
| Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà | 10.318.000.000 | 52% | 10.318.000.000 |
| Ông Lê Văn Tấn | 5.682.000.000 | 28% | 5.682.000.000 |
| Ông Hoàng Mạnh Tân | 4.000.000.000 | 20% | 4.000.000.000 |
| Cộng | <u>20.000.000.000</u> | <u>100%</u> | <u>20.000.000.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17c. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 2.000.000 | 2.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng | | |
| - Cổ phiếu phổ thông | 2.000.000 | 2.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | | |
| - Cổ phiếu phổ thông | 2.000.000 | 2.000.000 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 3 năm 2017 như sau:

| | VND |
|-------------------------------|-----------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông | : 4.000.000.000 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | : 923.932.857 |
| • Trích quỹ khen thưởng | : 184.786.571 |

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|--------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 116,09 | 25,15 |
| Nhân dân tệ (CNY) | 5.370,00 | |
| Won Hàn Quốc (KRW) | 569.000,00 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 35.013.379.530 | 14.656.797.364 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 146.812.994.606 | 111.129.074.229 |
| Doanh thu khác | 155.804.196 | 54.296.343 |
| Cộng | <u>181.982.178.332</u> | <u>125.840.167.936</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------------------------|----------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà | 35.521.269.131 | 80.338.517.856 |
| <i>Doanh thu bán hàng hóa</i> | 1.595.368.916 | 10.437.272.212 |
| <i>Doanh thu bán thành phẩm</i> | 33.917.758.420 | 69.856.761.937 |
| <i>Doanh thu dịch vụ khác</i> | 8.141.795 | 44.483.707 |
| Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai | 4.299.451.770 | 5.189.617.300 |
| <i>Doanh thu bán hàng hóa</i> | 69.173.190 | 11.209.300 |
| <i>Doanh thu bán thành phẩm</i> | 4.228.428.580 | 5.177.706.000 |
| <i>Doanh thu dịch vụ khác</i> | 1.850.000 | 702.000 |
| Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An | 15.284.544.897 | 9.350.658.693 |
| <i>Doanh thu bán hàng hóa</i> | 4.889.532.940 | 2.877.842.493 |
| <i>Doanh thu bán thành phẩm</i> | 10.373.421.980 | 6.472.816.200 |
| <i>Doanh thu dịch vụ khác</i> | 21.589.977 | |
| Công ty Cổ phần Toàn Thắng | 11.986.138.400 | 3.553.526.438 |
| <i>Doanh thu bán hàng hóa</i> | 101.905.070 | 610.823.438 |
| <i>Doanh thu bán thành phẩm</i> | 11.884.233.330 | 2.942.703.000 |
| Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam | 283.648.380 | 275.657.500 |
| <i>Doanh thu bán hàng hóa</i> | 282.859.580 | 275.657.500 |
| <i>Doanh thu bán thành phẩm</i> | 788.800 | |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà | 88.781.107 | |
| <i>Doanh thu bán hàng hóa</i> | 8.480.128 | |
| <i>Doanh thu bán thành phẩm</i> | 67.068.979 | |
| <i>Doanh thu dịch vụ khác</i> | 13.232.000 | |
| Công ty TNHH Một thành viên Logistics Sơn Hà | 3.263.467 | |
| <i>Doanh thu bán hàng hóa</i> | 3.263.467 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh và Phát triển dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc | 56.453.332.146 | |
| <i>Doanh thu bán hàng hóa</i> | <i>15.756.031.518</i> | |
| <i>Doanh thu bán thành phẩm</i> | <i>40.691.904.200</i> | |
| <i>Doanh thu dịch vụ khác</i> | <i>5.396.428</i> | |
| Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh | 11.473.954.380 | |
| <i>Doanh thu bán hàng hóa</i> | <i>11.358.291.293</i> | |
| <i>Doanh thu bán thành phẩm</i> | <i>78.659.091</i> | |
| <i>Doanh thu dịch vụ khác</i> | <i>37.003.996</i> | |
| Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà | 1.793.448 | |
| <i>Doanh thu bán hàng hóa</i> | <i>1.793.448</i> | |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chiết khấu thương mại | | 1.820.871.000 |
| Hàng bán bị trả lại | 437.984.219 | 173.021.600 |
| Giảm giá hàng bán | | 481.391.559 |
| Cộng | <u>437.984.219</u> | <u>2.475.284.159</u> |
| 3. Giá vốn hàng bán | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 33.261.243.050 | 14.480.523.315 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 125.162.098.371 | 97.623.856.334 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 23.439.977 | 6.900.000 |
| Cộng | <u>158.446.781.398</u> | <u>112.111.279.649</u> |
| 4. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 81.400.001 | |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 15.375.209 | 8.190.966 |
| Lãi tiền cho vay | 441.000.000 | 24.862.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 1.290.859 | 2.957.638 |
| Lãi bán hàng trả chậm | | 45.278.902 |
| Chiết khấu thanh toán | | 74.534.572 |
| Cộng | <u>539.066.069</u> | <u>155.824.078</u> |
| 5. Chi phí tài chính | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí lãi vay | 95.831.937 | 19.777.778 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 17.175.584 | 2.513.738 |
| Lãi trả chậm | | 46.978.498 |
| Cộng | <u>113.007.521</u> | <u>69.270.014</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 1.366.919.558 | 348.379.819 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 243.914.163 | 366.858.859 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 7.384.666 | 114.672.007 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.615.197.745 | 1.617.146.533 |
| Các chi phí khác | 187.001.229 | |
| Cộng | <u>5.420.417.361</u> | <u>2.447.057.218</u> |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

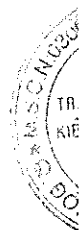
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 2.502.998.116 | 1.901.772.882 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 136.850.941 | 65.928.706 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 31.329.954 | 61.769.352 |
| Thuế, phí và lệ phí | 3.000.000 | |
| Dự phòng phải thu khó đòi | | 1.072.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 726.176.897 | 920.900.850 |
| Chi phí khác | 673.934.008 | |
| Cộng | <u>4.074.289.916</u> | <u>4.022.371.790</u> |

8. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | | 146.357.263 |
| Thu nhập từ xử lý công nợ | 11.511.557 | |
| Thu tiền bồi thường | 16.202.500 | |
| Thu tiền phạt hợp đồng | 249.896.912 | |
| Thu nhập khác | 23.260.916 | 80.861.999 |
| Cộng | <u>300.871.885</u> | <u>227.219.262</u> |

9. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Xuất hủy hàng tồn kho | 8.920.596 | 160.163.600 |
| Truy thu, phạt chậm nộp thuế | 2.427.760.020 | 10.839.646 |
| Chi phí khác | 11.033.257 | 23.186.043 |
| Cộng | <u>2.447.713.873</u> | <u>194.189.289</u> |



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 11.881.921.998 | 3.695.731.426 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | (184.786.571) | (184.786.571) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 11.697.135.427 | 3.510.944.855 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 2.000.000 | 2.000.000 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 5.849 | 1.755 |

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 118.931.893.928 | 87.794.536.832 |
| Chi phí nhân công | 8.873.302.530 | 5.581.689.924 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 431.203.754 | 398.245.618 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.252.003.039 | 8.267.753.521 |
| Chi phí khác | 943.657.744 | 17.211.066 |
| Cộng | 136.432.060.995 | 102.059.436.961 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------|----------------|------------------|
| Chia cổ tức | 800.000.000 | |
| Bảo hiểm xã hội nộp hộ | | 3.924.375 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 1919.719.696 VND (năm trước là 1.207.780.776 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà | Công ty mẹ (SHI) |
| Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai | Công ty con của SHI |
| Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam | Công ty con của SHI |
| Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An | Công ty con của SHI |
| Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà | Công ty con của SHI |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà | Công ty con của SHI |
| Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc | Công ty con của SHI |
| Công ty TNHH MTV Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh | Công ty con của SHI |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà | Công ty con của SHI |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền | Công ty con của SHI |
| Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà | Công ty con của SHI |
| Công ty Cổ phần Toàn Thắng | Phó Giám đốc của Công ty là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Toàn Thắng |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------------------------------------|----------------|------------------|
| <i>Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (SHI)</i> | | |
| Mua nguyên vật liệu của SHI | 53.968.867.879 | 64.706.745.038 |
| Mua công cụ, dụng cụ của SHI | 66.734.900 | 123.638.247 |
| Mua thành phẩm của SHI | 134.367.348 | 11.507.002 |
| Mua hàng hóa của SHI | 11.701.349.479 | 4.398.322.756 |
| Sử dụng dịch vụ của SHI | 1.942.595.673 | 1.452.830.736 |
| Chi phí tiền ăn và các chi | 165.359.007 | |
| Thanh lý TSCĐ cho SHI | | 72.727.273 |
| Mua TSCĐ của SHI | 29.669.846 | |
| Chia cổ tức cho SHI | 2.063.600.000 | |
| Lãi vay phải thu SHI | 441.000.000 | |
| <i>Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP (SSP)</i> | | |
| Mua nguyên vật liệu của SSP | 13.485.707.229 | 10.565.811.392 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------|
| Lãi chậm thanh toán phải trả SSP | | 46.978.498 |
| Chi phí gia công phải trả SSP | 471.025.441 | |
| Công ty TNHH Một thành viên Logistics Sơn Hà (Logistics) | | |
| Logistics cung cấp dịch vụ | 1.857.244.700 | 102.449.718 |
| Công ty Cổ phần Toàn Thắng (Toàn Thắng) | | 38.455.162 |
| Lãi chậm thanh toán phải trả Toàn Thắng | | 38.455.162 |
| Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh (Sơn Hà Bắc Ninh) | | |
| Mua nguyên vật liệu của Sơn Hà Bắc Ninh | 26.271.120.019 | |
| Thuê Sơn Hà Bắc Ninh gia công, quản lý kho | 123.654.562 | |
| Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà | | |
| Mua nguyên vật liệu của Thiết bị nhà bếp Sơn Hà | 49.920.000 | |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.5 và V.11.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Nguyễn Bá Thị Hợp

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thị Hợp

Giám đốc



Hoàng Mạnh Tân